



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
Tầng 3, tòa nhà lô T2, KCN Hòa Bình, Đường Phạm Văn Đồng,
Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam
Mã số thuế: 6101177237

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I NĂM 2019

Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất**
- Bảng kết quả kinh doanh hợp nhất**
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**
- Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tháng 04/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.958.409.058	54.216.728.827
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.385.186.748	28.213.223.887
1. Tiền	111	5.01	15.385.186.748	28.213.223.887
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.063.402.262	25.321.014.709
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	16.386.003.867	20.135.073.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	3.307.953.988	3.027.587.659
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	4.369.444.407	2.158.353.843
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		509.820.048	682.490.231
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.06	509.820.048	682.490.231
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		991.688.112.542	973.322.602.701
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		31.242.533.000	226.533.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	31.242.533.000	226.533.000
II. Tài sản cố định	220		957.261.537.554	970.343.742.785
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.05	957.261.537.554	970.343.742.785
- Nguyên giá	222		1.147.290.405.020	1.147.290.405.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(190.028.867.466)	(176.946.662.235)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.184.041.988	2.752.326.917
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.06	2.397.486.408	1.938.491.952
2. Lợi thế thương mại	269	5.07	786.555.580	813.834.965
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.031.646.521.600	1.027.539.331.528

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		713.191.025.633	717.338.684.828
I. Nợ ngắn hạn	310		71.797.025.633	75.944.684.828
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.08	4.699.219.874	4.418.042.455
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.09	14.952.734.318	16.218.317.113
3. Phải trả người lao động	314		1.269.394.692	1.246.361.239
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	5.301.792.114	2.051.805.556
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	238.713.263	237.543.301
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	45.000.000.000	51.400.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		335.171.372	372.615.164
II. Nợ dài hạn	330		641.394.000.000	641.394.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	641.394.000.000	641.394.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		318.455.495.967	310.200.646.700
I. Vốn chủ sở hữu	410		318.455.495.967	310.200.646.700
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.13	284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.679.320.638	21.494.907.609
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.096.786.800	8.930.406.140
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.582.533.838	12.564.501.469
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	467		3.872.175.329	3.801.739.092
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.031.646.521.600	1.027.539.331.528

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng



Kon Tum. Ngày tháng 04 năm 2019

Tổng giám đốc




Lê Văn Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019		Năm 2018	
			Quý I Năm 2019	Lũy kế đến 31/03/2019	Quý I Năm 2018	Lũy kế đến 31/03/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	50.952.107.757	50.952.107.757	25.423.828.656	25.423.828.656
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		50.952.107.757	50.952.107.757	25.423.828.656	25.423.828.656
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	18.949.456.073	18.949.456.073	10.591.902.221	10.591.902.221
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11)	20		32.002.651.684	32.002.651.684	14.831.926.435	14.831.926.435
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		11.245.263	11.245.263	9.287.074	9.287.074
7. Chi phí tài chính	22	6.03	20.547.734.940	20.547.734.940	8.636.687.705	8.636.687.705
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.547.734.940	20.547.734.940	8.636.687.705	8.636.687.705
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.04	2.039.194.367	2.039.194.367	1.333.132.779	1.333.132.779
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9.426.967.640	9.426.967.640	4.871.393.025	4.871.393.025
10. Thu nhập khác	31		53.400	53.400	2.904.203	2.904.203
11. Chi phí khác	32		62.966.962	62.966.962	41.073.096	41.073.096
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(62.913.562)	(62.913.562)	(38.168.893)	(38.168.893)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.364.054.078	9.364.054.078	4.833.224.132	4.833.224.132
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		711.084.003	711.084.003	364.748.374	364.748.374
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.652.970.075	8.652.970.075	4.468.475.758	4.468.475.758
16. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		8.582.533.838	8.582.533.838	4.457.725.892	4.457.725.892
17. Lợi nhuận của Cổ đông không kiểm soát	62		70.436.237	70.436.237	10.749.866	10.749.866
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.06	301	301	156	156

Người lập biểu

Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

Kon Tum, Ngày 26 tháng 04 năm 2019

Tổng giám đốc



Lê Văn Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

CHỈ TIÊU	<u>M</u> <u>S</u>	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.364.054.078	4.860.611.089
2. Điều chỉnh cho các khoản			-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13.082.205.231	7.118.140.494
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.245.263)	(9.284.197)
- Chi phí lãi vay	06	20.547.734.940	8.636.687.705
- Các khoản điều chỉnh khác		27.279.384	(1.576.800)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	43.010.028.370	20.604.578.291
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(29.270.161.353)	(11.870.424.603)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.316.504.053)	4.218.111.444
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(286.324.273)	116.750.529
- Tiền lãi vay đã trả	14	(17.297.748.382)	(6.847.487.705)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(228)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(372.546.767)	(193.005.201)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.533.256.686)	6.028.522.755
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(906.025.716)	(9.666.531.797)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.245.263	9.287.074
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(894.780.453)	(9.657.244.723)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33		-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.400.000.000)	(5.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.400.000.000)	(5.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(12.828.037.139)	(9.428.721.968)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.213.223.887	19.981.606.386
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	15.385.186.748	10.552.884.418

Kon Tum, Ngày 26 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Thị Ngọc Thu

5



Lê Văn Khoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237. đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ. chín trăm linh bốn triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3. Tòa nhà lô T2. Khu Công nghiệp Hòa Bình. Đường Phạm Văn Đồng. Phường Lê Lợi. Thành phố Kon Tum. Tỉnh Kon Tum. Việt Nam.

Điện thoại: (84-6).03868119

Fax: (84-6).03868901

E-mail: info@dakne.vn

Website: www.dientruongthinh.vn

Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tổng số lao động tại thời điểm 31/03/2019: 80 người

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống; Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/03/2019. Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết
I Công ty con				
1	Công ty TNHH Trung Việt	Lô T2. Khu Công nghiệp Hòa Bình. đường Phạm Văn Đồng. Phường Lê Lợi. Thành phố Kon Tum. Tỉnh Kon Tum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	98%
II Đơn vị trực thuộc				
1	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Xã Trà Giác. Huyện Bắc Trà My. Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%
2	Văn phòng Đại diện Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại TP Đà Nẵng	Tầng 4. Tòa nhà Ricco. 363 Nguyễn Hữu Thọ. Phường Khuê Trung. Quận Cẩm Lệ. TP Đà Nẵng		100%

2. KỶ KẾ TOÁN. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2019 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 202 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho Quý III năm 2018. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này. Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty. áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết. Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư tại Công ty đó.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con. công ty liên kết. hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS 11 – Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không qua 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển Tiền mặt. Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán về Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15-25
Máy móc và thiết bị	3-12
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn

(4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
Tiền mặt	75.209.871	79.340.486
Tiền gửi ngân hàng (*)	15.309.976.877	28.133.883.401
Cộng	<u>15.385.186.748</u>	<u>28.213.223.887</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng chủ yếu bao gồm:

+ Các khoản tiền hoàn ứng và tiền doanh thu các nhà máy của Công ty mẹ.

5.02 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
Tổng công ty Điện Lực Miền Trung	16.348.503.867	20.078.823.207
Võ Thị Lâm Tú	37.500.000	56.250.000
Cộng	<u>16.386.003.867</u>	<u>20.135.073.207</u>

5.03 Trả trước người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
Trả trước cho người bán khác		-
<i>Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam</i>	<i>171.500.000</i>	-
<i>Đỗ Văn Phồn</i>	<i>861.312.925</i>	<i>736.895.800</i>
<i>Công ty bảo hiểm toàn cầu Gia Lai</i>		<i>152.506.935</i>
<i>Công ty TNHH MTV TM TH Thành Công</i>	<i>121.305.800</i>	
<i>Công Ty TNHH Sóng Ngâm</i>	<i>235.000.000</i>	
<i>Hội đồng bồi thường giải phòng mặt bằng</i>	<i>831.872.202</i>	<i>598.646.002</i>
<i>HĐ bồi thường & tái định cư Kon Rẫy</i>		<i>20.020.000</i>
<i>Trả trước cho người bán khác(*)</i>	<i>1.329.574.661</i>	<i>1.519.528.922</i>
Cộng	<u>3.307.953.988</u>	<u>3.027.587.659</u>

(*) Giá trị ứng trước cho các đối tác nhỏ lẻ để thực việc sửa chữa thường xuyên của nhà máy ĐakNe và Tà Vi, Đakpia, ĐakBla đang tiến hành sửa chữa thường xuyên chưa thanh quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

5.04 Các khoản phải thu

	Tại ngày 31.03.2019	Số đầu kỳ
	VND	VND
I. Ngắn hạn	<u>4.369.444.407</u>	<u>2.158.353.843</u>
Phải thu tạm ứng	4.369.444.407	2.158.353.843
<i>Nguyễn Thị KimMy</i>	397.119.412	392.501.412
<i>Nguyễn Văn Quân (*)</i>	408.247.200	346.747.200
<i>Hồ Thanh Tiến (*)</i>	234.928.690	254.608.690
<i>Hoàng Hữu Điền</i>	105.158.607	17.854.487
<i>Võ Quốc Vương (**)</i>	2.279.737.777	280.256.777
<i>Lê Hồ Hoàng Hà(*)</i>	195.312.187	195.312.187
<i>Lê Văn Khoa (*)</i>	65.287.070	
<i>Thu tạm ứng khác:</i>	683.653.464	621.789.020
II. Phải thu Dài hạn khác	<u>31.242.533.000</u>	<u>226.533.000</u>
- Phải thu tạm ứng	31.031.500.000	15.500.000
<i>Ông Lê Văn Khoa (**)</i>	31.000.000.000	0
<i>Ông Hồ Thanh Tiến</i>	16.000.000	15.500.000
<i>Thu tạm ứng khác</i>	15.500.000	
- Phải thu dài hạn khác	211.033.000	211.033.000
Ký Quỹ. Ký cược dài hạn	211.033.000	211.033.000
Tổng	<u>35.611.977.407</u>	<u>2.384.886.843</u>

(*) Các khoản tạm ứng cá nhân để phục vụ chi phí thường xuyên phát sinh trong kỳ như công tác phí, xăng xe đi lại, sửa chữa nhỏ lẻ ... phục vụ việc sản xuất tại các nhà máy.

(**) Các khoản tạm ứng thực hiện triển khai dự án điện năng lượng mặt trời của nhà máy ĐakBla

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

5.05 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải truyền dẫn VNĐ	Thiết bị dụng cụ quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	<u>1.139.134.836.490</u>	<u>636.754.545</u>	<u>7.395.502.893</u>	<u>123.311.092</u>	<u>1.147.290.405.020</u>
Tăng/giảm					
Số dư cuối kỳ	<u>1.139.134.836.490</u>	<u>636.754.545</u>	<u>7.395.502.893</u>	<u>123.311.092</u>	<u>1.147.290.405.020</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	174.488.167.231	421.615.663	1.934.146.629	102.732.712	176.946.662.235
KH trong kỳ	12.814.190.076	11.041.668	250.880.892	6.092.595	12.082.205.231
Số dư cuối kỳ	187.302.357.307	432.657.331	2.185.027.521	108.825.307	190.028.867.466
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	<u>964.646.669.259</u>	<u>215.138.882</u>	<u>5.461.356.264</u>	<u>20.578.380</u>	<u>970.343.742.785</u>
Số dư cuối kỳ	<u>951.832.479.183</u>	<u>204.097.214</u>	<u>5.210.475.372</u>	<u>14.485.785</u>	<u>957.261.537.554</u>

5.06 Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
Chi phí trả trước ngắn hạn	<u>509.820.048</u>	<u>682.490.231</u>
Công cụ dụng cụ	171.164.562	368.494.457
Chi phí thuê nhà		105.000.000
Chi phí bảo hiểm	338.655.486	202.932.212
Chi phí phân bổ khác		6.063.562
Chi phí trả trước dài hạn	<u>2.397.486.408</u>	<u>1.938.491.951</u>
Công cụ dụng cụ	93.027.416	300.385.719
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ		1.519.739.109
Chi phí phân bổ khác	2.304.458.992	3.136.977

5.07 Lợi thế thương mại

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
Số dư đầu kỳ	813.834.964	813.834.964
Phân bổ trong kỳ	27.279.384	813.834.964
Số dư cuối kỳ	<u>786.555.580</u>	<u>813.834.964</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

5.08 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	3.667.157.928	3.667.157.928	4.208.042.454	4.208.042.454
<i>Công ty Kiểm toán Vaco</i>	<i>56.400.000</i>	<i>56.400.000</i>	<i>56.400.000</i>	
<i>Công ty TNHH Hưng Long</i>	<i>2.260.500.000</i>	<i>2.260.500.000</i>	<i>2.260.500.000</i>	<i>2.260.500.000</i>
<i>CTCP XD thủy điện Việt Trung</i>	<i>401.094.000</i>	<i>401.094.000</i>	<i>401.094.000</i>	<i>401.094.000</i>
<i>Trung Tâm Điều Độ Hệ Thống Điện)</i>			<i>549.799.516</i>	<i>549.799.516</i>
<i>Công ty cổ phần TV và xây dựng điện</i>	<i>587.171.818</i>	<i>587.171.818</i>	<i>587.171.818</i>	<i>587.171.818</i>
<i>Phải trả khách hàng khác</i>	<i>361.992.110</i>	<i>361.992.110</i>	<i>409.477.120</i>	<i>409.477.120</i>
Phải trả người bán bên liên quan	1.032.061.946	1.042.061.946	210.000.001	210.000.001
<i>Công ty CP Tấn Phát – thuê văn phòng</i>	<i>255.000.001</i>	<i>255.000.001</i>	<i>210.000.001</i>	<i>210.000.001</i>
<i>Công ty CP Tấn Phát – Thi công sửa chữa NM Tà Vi</i>	<i>777.061.945</i>	<i>777.061.945</i>		
Cộng	<u>4.699.219.874</u>	<u>4.699.219.874</u>	<u>4.418.042.455</u>	<u>4.418.042.455</u>

5.09 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số phát sinh	Số đã nộp	Số cuối kỳ
	VNĐ	Trong kỳ	Trong kỳ	VNĐ
Thuế GTGT	4.998.752.310	5.095.210.776	4.517.236.069	5.576.727.017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.801.344.451	711.084.003	228	2.512.428.226
Thuế thu nhập cá nhân	796.672.843	18.902.481	799.461.430	16.113.894
Thuế tài nguyên	5.626.049.031	2.672.988.672	3.168.342.500	5.130.695.203
Các loại thuế khác		6.000.000	6.000.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.995.498.478	1.115.919.580	2.394.648.080	1.716.769.978
Cộng	<u>16.218.498.478</u>	<u>8.504.185.932</u>	<u>9.769.950.092</u>	<u>14.952.734.318</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Lãi vay NH Việt Á -CN Buôn Mê Thuật	2.016.308.735	2.051.805.556 .
Lãi vay NH Việt Á -CN Hà Nội	1.574.560.879	
Lãi vay Agribank- CN Kon Tum	1.710.922.500	
Cộng	<u>5.031.792.114</u>	<u>2.051.805.556 .</u>

5.11 Phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	15.121.741	15.121.741
Bảo hiểm xã hội	128.015.604	128.753.134
Bảo hiểm y tế	16.460.667	20.592.115
Bảo hiểm thất nghiệp	7.262.113	9.115.773
Các khoản phải trả, phải nộp khác	71.853.479	63.960.538
Cộng	<u>238.713.263</u>	<u>237.543.301</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

5.12 Vay và nợ thuê tài chính:

a. Các khoản đi vay

	Số cuối kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	45.000.000.000	45.000.000.000		6.400.000.000	51.400.000.000	51.400.000.000
Công ty TNHH Trung Việt	28.250.000.000	28.250.000.000			28.250.000.000	28.250.000.000
Công ty CP Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh	16.750.000.000	16.750.000.000		6.400.000.000	23.150.000.000	23.150.000.000
Vay dài hạn	641.394.000.000	641.394.000.000			641.394.000.000	641.394.000.000
Công ty TNHH Trung Việt	397.794.000.000	397.794.000.000			397.794.000.000	397.794.000.000
Công ty CP Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh	243.600.000.000	243.600.000.000			243.600.000.000	243.600.000.000
Cộng	686.394.000.000	686.394.000.000		6.400.000.000	692.794.000.000	692.794.000.000

b. Nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ		Số trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Trung Việt	-	-	-	-	-	-
Công ty CP Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh	-	-	-	-	-	-

Chi tiết khoản vay từng đơn vị:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng trường Thịnh

	Số cuối kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn	16.750.000.000	16.750.000.000	6.400.000.000	23.150.000.000	23.150.000.000
Ngân hàng NN&PTNTVN – CN Kon Tum	3.750.000.000	3.750.000.000		3.750.000.000	3.750.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á – CN Hà Nội	13.000.000.000	13.000.000.000	6.400.000.000	19.400.000.000	19.400.000.000
Vay dài hạn	243.600.000.000	243.600.000.000		243.600.000.000	243.600.000.000
Ngân hàng NN&PTNTVN – CN Kon Tum	65.100.000.000	65.100.000.000		65.100.000.000	65.100.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á – CN Hà Nội	178.500.000.000	178.500.000.000		178.500.000.000	178.500.000.000
Cộng	260.350.000.000	260.350.000.000	6.400.000.000	266.750.000.000	266.750.000.000

Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt nam – Chi nhánh tỉnh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VNĐ theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP Thủy điện Đắk Ne và Công ty TNHH Nước Vin. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VNĐ theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăkne. Khoản vay chịu lãi suất 11.2%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện Đăkne để thế chấp cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

5.13Vốn chủ sở hữu

a. Thông tin về vốn chủ sở hữu

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ		641.985.164

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.01 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện	<u>50.952.107.757</u>	<u>25.423.828.656</u>
Công ty TNHH Trung Việt	25.209.050.332	3.090.907.795
+ Nhà máy Đăkblai	21.844.964.314	-
+ Nhà máy Đăkpa	3.364.086.018	3.090.907.795
Công ty CP ĐTNL Trường Thịnh	25.743.057.425	22.332.920.861
+ Nhà máy Đăkne	20.701.725.092	19.73.657.002
+ Nhà máy Tà Vi	5.041.332.334	2.602.263.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

6.02 Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VNĐ	Kỳ trước VNĐ
Giá vốn bán điện	<u>18.949.456.073</u>	<u>10.591.902.221</u>
Công ty TNHH Trung Việt	9.195.449.939	1.376.086.561
+ Nhà máy Đăkblai	7.890.063.481	-
+ Nhà máy Đăkpa	1.305.386.458	1.376.086.561
Công ty CP ĐT NLượng Trường Thịnh	9.754.006.134	9.215.815.660
+ Nhà máy Đăkne	7.961.894.786	7.489.811.909
+ Nhà máy Tà Vi	1.792.111.348	1.726.003.751

6.03 Chi phí tài chính

	Kỳ này VNĐ	Kỳ trước VNĐ
Chi phí tài chính	<u>20.547.734.940</u>	<u>8.636.687.705</u>
Công ty TNHH Trung Việt	11.640.141.106	815.570.372
+ Nhà máy Đăkblai	10.835.000.001	-
+ Nhà máy Đăkpa	805.141.105	815.570.372
Công ty CP ĐT Năng Lượng Trường Thịnh	8.907.593.834	7.821.117.333
+ Nhà máy Đăkne	7.196.671.334	6.031.917.333
+ Nhà máy Tà Vi	1.710.922.500	1.789.200.000

6.04 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VNĐ	Kỳ trước VNĐ
Chi phí nhân viên	879.791.468	485.809.378
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.038.940	59.557.251
Chi phí khấu hao TSCĐ	108.352.008	116.78.724
Thuế, phí và lệ phí	15.577.544	32.989.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.597.592	30.081.034
Các khoản chi phí khác	870.557.431	68.616.640
Phân bổ LTTM	27.279.384	
Cộng	<u>2.039.194.367</u>	<u>1.333.132.779</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

Công ty Cổ Phần Năng Lượng	Kỳ này	Kỳ trước
Trường Thịnh	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	480.856.139	485.809.378
Chi phí đồ dung văn phòng	21.038.940	59.557.251
Chi phí khấu hao TSCĐ	103.135.455	113.124.180
Thuế, phí và lệ phí	9.716.527	20.215.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.597.592	12.657.218
Các khoản chi phí khác	685.425.983	393.467.057
Cộng	<u>1.416.770.636</u>	<u>1.084.830.654</u>

Công ty TNHH Trung Việt	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	398.935.329	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.216.553	2.954.544
Thuế, phí và lệ phí	5.861.017	12.774.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài		17.423.816
Các khoản chi phí khác	185.131.448	215.149.583
Cộng	<u>595.144.347</u>	<u>248.32.125</u>

6.05 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	1.092.928.416	824.939.028
Chi phí khấu hao	12.964.684.848	6.974.253.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.290.955.558	2.540.895.416
Chi phí khác bằng tiền	600.887.251	251.813.961
Cộng	<u>18.949.456.073</u>	<u>10.591.902.221</u>

Chi tiết :

Công ty Cổ Phần Năng Lượng	Kỳ này	Kỳ trước
Trường Thịnh	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	578.631.118	581.442.801
Chi phí khấu hao	6.132.182.841	6.140.899.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.767.412.350	2.315.168.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

Chi phí khác bằng tiền	275.779.825	178.324.247
Cộng	<u>9.754.006.134</u>	<u>9.215.815.660</u>
Công ty TNHH Trung Việt	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	514.297.298	243.516.227
Chi phí khấu hao	6.832.502.007	833.353.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.523.543.208	225.726.685
Chi phí khác bằng tiền	325.107.426	73.489.714
Cộng	<u>9.195.749.939</u>	<u>1.376.086.561</u>

6.06 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này kết thúc ngày	Kỳ này kết thúc
	31/03/2019	ngày 31/03/2018
	VND	VND
Lợi nhuận phân phối cho Công ty mẹ	8.582.533.838	4.457.725.892
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.582.533.838	4.457.725.892
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	28.490.400	28.490.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	301	156

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Nghiệp vụ và số dư các bên có liên quan

Bên liên quan:

1. Công ty TNHH Trung Việt
Ông Võ Quốc Vương
2. Công ty Cổ phần Tấn Phát
Ông Nguyễn Ngọc Tường
Ông Lê Văn Khoa
3. Ông Trần Quang Chung
4. Ông Nguyễn Ngọc Tường
5. Ông Nguyễn Công Thành

Mối quan hệ

- Công ty Con
Tổng giám đốc CT Trung Việt
Cùng thành viên HĐQT
Chủ tịch HĐQT CT CP Tấn Phát.
Phó TGĐ CTCP Tấn Phát
Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT – Phó TGĐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

6. Ông Lê Văn Khoa

Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc

Giao dịch các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Quý 1/2019

Mua hàng và dịch vụ

VND

747.329.041

Công ty Cổ Phần Tấn Phát - Chi phí thuê văn phòng

40.909.091

Công ty Cổ Phần Tấn Phát - Chi phí sửa chữa nhà máy Tà Vi

706.419.950

Số dư các bên liên quan

31/03/2019

31/12/2018

VND

VND

Công ty Cổ Phần Tấn Phát

1.032.061.946

210.000.001

CTCP Đầu tư năng lượng Trường Thịnh

947.061.945

140.000.000

Phải trả cho người bán

947.061.945

140.000.000

Chi phí thuê văn phòng

170.000.000

140.000.000

Chi phí sửa chữa NM Tà Vi

777.061.945

CT TNHH Trung Việt

85.000.001

70.000.001

Phải trả người bán

85.000.001

70.000.001

Chi phí thuê văn phòng

85.000.001

70.000.001

Phải thu tạm ứng (Nợ TK141)

33.345.021.847

49.284.070

Trần Quang Chung

13.000.000

0

Lê Văn Khoa

31.065.284.070

49.284.070

Võ Quốc Vương

2.279.737.777

0

Thu nhập của Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc

Kỳ này

Kỳ trước

VND

VND

Thù lao HĐQT và thu nhập Ban Giám đốc

251.775.000

240.150.000

7.2 Thông tin theo bộ phận

7.2.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý. Công ty được tổ chức theo đơn kinh doanh dựa trên sản phẩm Chính của công ty là Sản xuất, phân phối và truyền tải điện. trong kỳ Công ty chỉ phát sinh doanh thu và chi phí liên quan đến việc Sản xuất điện để bán cho Tập đoàn điện lực.

Bộ phận Sản xuất, phân phối và truyền tải điện: là bộ phận Sản xuất điện của nhà máy để bán cho Tập đoàn điện lực.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

Kết quả kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích.

7.2.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về Doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản, công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/03/2019			Tại ngày 31/03/2018		
	Tỉnh Kon Tum	Ngoài Kon Tum	Tổng cộng	Tỉnh Kon Tum	Ngoài Kon Tum	Tổng cộng
Doanh thu	45.910.776	5.041.332	50.952.108	22.821.565	2.602.264	25.423.829
Giá vốn hàng bán	17.157.345	1.792.111	18.949.456	8.865.898	1.726.004	10.591.902
Chi phí lãi vay	18.836.812	1.710.923	20.547.735	6.847.488	1.789.200	8.636.688
Chi phí không được phân bổ			2.039.194			1.333.133
Thu nhập tài chính			11.245			2.904
Thu nhập khác			(62.914)			(38.169)
Lợi nhuận trước thuế			9.364.054			4.833.224
Thuế TNDN hiện hành			711.084			364.748
Lợi nhuận sau thuế			8.652.970			4.468.476
Tổng tài sản của Bộ phận	938.826.521	92.820.000	1.031.646.521	1.010.127.679	90.780.000	1.100.907.679
Nợ phải trả của Bộ phận	713.158.982	32.044.000	713.191.026	781.193.103	35.164.000	781.228.267

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2018. Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I.2018 đã lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2019

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2019

9. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2019.

Kon Tum, ngày 04 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc



Lê Văn Khoa